

TỈNH PHÚ THỌ**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2020/HSST

Ngày 29/4/2020.

NHÂN DANH**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TS, TỈNH PHÚ THỌ*****Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:****Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đinh Văn Chí.*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Đình Quý và ông Hoàng Mạnh Hùng.*Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Ông Đinh Văn Côn, Thẩm tra viên của Tòa án nhân dân huyện TS, tỉnh Phú Thọ*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TS, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Tiên Sỹ - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện TS, tỉnh Phú Thọ; Tòa án nhân dân huyện TS, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 05/2020/TLST- HS, ngày 18 tháng 3 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2020/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 4 năm 2020 đối với các Bị cáo:

1. Họ và tên: **Hà Văn B**; Tên gọi khác: Không; Sinh năm 1961; Nơi sinh: Huyện TS, tỉnh Phú Thọ. Nơi cư trú: Xóm V, xã XD, huyện TS, tỉnh Phú Thọ; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Đoàn thể: Quân chúng; Trình độ văn hoá: 7/10; Dân tộc: Mường; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không;
Con ông: Hà Văn H (đã chết); Con bà: Hà Thị V (đã chết);
Vợ: Hà Thị A, sinh năm 1960;
Con: Có 03 con (lớn sinh năm 1982; nhỏ sinh năm 1990)
Tiền án, Tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 15/12/2019 đến ngày 18/12/2019. Hiện đang chấp hành Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú của Tòa án nhân dân huyện TS, tỉnh Phú Thọ, có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Trần Như Đ**; Tên gọi khác: Không; Sinh năm 1984; Nơi sinh: Huyện TS, tỉnh Phú Thọ. Nơi cư trú: Xóm C 1, xã KT, huyện TS, tỉnh Phú Thọ; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Đoàn thể: Đảng viên ĐCSVN (đã bị đình chỉ sinh hoạt đảng theo Quyết định số 03/QĐ/UBKTHU ngày 20/12/2019 của UBKT huyện uỷ TS); Trình độ văn hoá: 12/12; Dân tộc: Mường; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không;
Con ông: Trần Học Ch (đã chết); Con bà: Phùng Thị L, sinh năm 1958;
Chồng: Xa Tiến T, sinh năm 1983;
Con: Có 02 con (lớn sinh năm 2008, nhỏ sinh năm 2015).
Tiền án, Tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 15/12/2019 đến ngày 18/12/2019. Hiện đang chấp hành Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú của Tòa án nhân dân huyện TS, tỉnh Phú Thọ, có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh **Bàn Văn Th**, sinh năm 1995;

Địa chỉ: Khu T, xã KT, huyện TS, tỉnh Phú Thọ, vắng mặt.

2. Anh **Trần Hồng Q**, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Xóm C, xã KT, huyện TS, tỉnh Phú Thọ, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 16 giờ ngày 15/12/2019, Bàn Văn Thn và Trần Hồng Q đều có hộ khẩu thường trú tại xã KT, huyện TS, tỉnh Phú Thọ đến nhà ở của Hà Văn B với mục đích ghi số lô, số đề. Khi gặp B, Thuận và Q hỏi mua số lô, số đề và B đồng ý. Th mua các số lô: 95; 20; 62; 50; 28 mỗi số 20 điểm bằng 100 điểm với giá 24.000đ 1 điểm lô, tổng số tiền mua số lô là 2.400.000đ và mua tiếp 02 số đề là: 05; 10 mỗi số 100.000đ tổng số tiền Th mua số lô, số đề của B là 2.600.000đ. Th đưa cho Hà Văn B 2.500.000đ, còn thiếu 100.000đ. Do nhìn thấy Q có tiền chuẩn bị mua số lô, số đề của B nên Th hỏi vay Q 100.000đ, Q đồng ý. Th bảo B còn 100.000đ tí nữa Q trả, B đồng ý nhận 2.500.000đ của Th rồi ghi các số lô, số đề trên vào 02 mảnh giấy (cáp đề) rồi đưa cho Th một cáp đề và giữ lại một cáp đề để làm căn cứ so sánh khi có kết quả. Sau khi Th mua các số lô, số đề xong thì Q mua các số lô là: 16; 61; 69; 96; 19, 36, 63 mỗi số 20 điểm tổng là 140 điểm; mỗi điểm với giá 24.000đ số tiền Q mua số lô hết 3.360.000đ và 100.000đ của Th còn thiếu, tổng là 3.460.000đ, Q đưa cho B 3.500.000, B cầm tiền của Q đưa và ghi các số lô của Q mua vào 02 tờ giấy (cáp đề) 01 tờ đưa cho Q và giữ lại 01 tờ để so sánh kết quả. Khi B đang chuẩn bị tiền trả lại tiền thừa cho Q thì cơ quan CSĐT Công an huyện TS phát hiện bắt quả tang thu giữ số tiền ghi lô, đề của B là 6.000.000đ (VNĐ), 04 tờ cáp đề (thu của B 02 cáp, Thuận 01 cáp, Q 01 cáp), 01 bút bi và đưa các đối tượng trên về trụ sở Công an huyện để điều tra làm rõ.

Tại cơ quan điều tra Hà Văn B, Bàn Văn Th, Trần Hồng Q đã khai nhận hành vi đánh bạc dưới hình thức mua bán số lô, số đề của mình như đã nêu trên. Tất cả đều khai nhận hình thức đánh bạc ghi số lô, số đề được quy ước như sau: Người ghi số đề lựa chọn các số bất kỳ từ 00 đến 99, kết quả sẽ so theo hai số cuối của giải đặc biệt (Đối với số đề) hoặc so theo hai số cuối của tất cả các giải (Đối với số lô) Xổ số Miền Bắc ngày hôm đó. Nếu người ghi số đề trùng với hai số cuối của giải đặc biệt thì được đề với tỷ lệ cá cược 01 ăn 70 lần, nếu người ghi lô trùng với hai số cuối của các giải thì được lô với mỗi điểm lô ghi 24.000đ ăn 80.000đ.

Ngoài ra Hà Văn B khai nhận làm thư ký bán số lô, số đề cho người chơi rồi chuyển cho Trần Như Đ ở khu C, xã KT, huyện TS, tỉnh Phú Thọ để hưởng lợi nhuận cụ thể: Ngày 14/12/2019 Hà Văn B đã bán số lô, số đề cho người mua được tổng số tiền là 6.667.000đ, sau khi đã tự cắt 451.800đ tiền phần trăm hoa hồng như

đã thỏa thuận khi nhận làm thư ký cho Đ, B đã tổng hợp ghi vào bảng đề và chuyển lại bảng đề cho Đ với số tiền 6.215.200đ, B đã chuyển bảng có ghi các số lô, số đề cho Đ nhưng chưa chuyển số tiền cho Đ. Số tiền trên B đã tiêu sài cá nhân còn lại 5.000.000đ để trong ví da màu nâu, cơ quan CSĐT Công an huyện TS đã thu giữ số tiền này cùng chiếc ví da để xử lý theo quy định.

Ngày 15/12/2019 Cơ quan CSĐT- Công an huyện TS ra Lệnh khám xét khẩn cấp chỗ ở của Đ, quá trình khám xét thu giữ 01 bảng đề ngày 14/12/2019. Đ khai nhận đây là bảng đề ngày 14/12/2019 Hà Văn B đã chuyển cho Đ, Cơ quan CSĐT đã ra lệnh giữ người và ra lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp đối với Đ để phục vụ điều tra. Tại cơ quan điều tra Hà Văn B và Trần Như Đ khai nhận: Khoảng đầu tháng 12/2019, cả hai bị can đều không nhớ rõ ngày, do thấy lợi nhuận từ việc mua bán số lô, số đề nên Đ và B đã thỏa thuận với nhau B làm thư ký ghi số lô, số đề cho Đ ăn chia theo tỷ lệ. Một điểm lô B bán được cho người mua Đ sẽ trả cho B 1.000 đồng, còn số đề B hưởng 20%. Hàng ngày B sẽ chuyển bảng đề trước 18 giờ cho Đ, còn tiền bán được B giữ lại để sau khi có kết quả nếu có ai trúng thưởng thì B sẽ trả thưởng cho người mua, sau đó B và Đ sẽ thanh toán với nhau. B và Đ đều khai nhận việc ghi và chuyển bảng đề giữa hai bên không thường xuyên, ngày có ngày không, ngày nào có người chơi thì B chuyển bảng cho Đ, có ngày không có ai chơi thì không chuyển. Cũng có hôm B chuyển bảng cho Đ nhưng không gặp Đ thì B giữ lại và tự thanh toán. Sau khi nhận bảng và thanh toán tiền cho nhau xong, Đ đều tiêu hủy các bảng cấp đề, nên không có cơ sở chứng minh để xử lý Đ theo quy định.

Căn cứ tài liệu đã thu thập được xác định: Ngày 14/12/2019 Trần Như Đ đã nhận bảng số lô, số đề của Hà Văn B với số tiền là **6.667.000đ**. Sau khi có kết quả Xổ số ngày 14/12/2019, B và Đ xác định phải trả thưởng cho người chơi trúng 52 điểm lô với số tiền là **4.160.000đ**, gồm các số: 21 trúng 02 điểm, 79 trúng 20 điểm, 86 trúng 20 điểm, 93 trúng 10 điểm. Theo quy định của pháp luật thì tổng số tiền “Đánh bạc” ngày 14/12/2019 mà Trần Như Đ và Hà Văn B phải chịu trách nhiệm là **10.827.000đ**.

Ngày 15/12/2019 Hà Văn B bán số lô cho Bàn Văn Th và Trần Hồng Q với tổng số tiền là **5.960.000đ**. Hành vi này của B bị cơ quan CSĐT Công an huyện TS bắt quả tang, B xác nhận ngày 15/12/2019 chưa chuyển bảng đề cho Đ nên không có căn cứ để xử lý hành vi “Đánh bạc” của Đ ngày 15/12/2019.

Ngày 18/12/2019 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện TS đã quyết định khởi tố vụ án hình sự số 01; khởi tố Bị can số 01;02 và ra Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú đối với: Hà Văn B và Trần Như Đ về hành vi: “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Tại bản cáo trạng số:04/CT-VKSTS ngày 17/3/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện TS, tỉnh Phú Thọ quyết định truy tố Bị cáo Hà Văn B và Trần Như Đ về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên Tòa, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện TS, tỉnh Phú Thọ vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị:

Đối với Bị cáo Hà Văn B: Áp dụng khoản 1 Điều 321; khoản 1 Điều 38 điểm i khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự. Xử phạt Bị cáo Hà Văn B từ 09 tháng đến 12 tháng tù. Được khấu trừ 03 ngày tạm giữ, buộc Bị cáo còn phải chấp hành hình phạt còn lại từ 08 tháng 27 ngày đến 11 tháng 27 ngày. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Đối với Bị cáo Trần Như Đ: Áp dụng khoản 1 Điều 321; khoản 1 Điều 38 điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Xử phạt Bị cáo Trần Như Đ từ 06 tháng đến 09 tháng tù. Được khấu trừ 03 ngày tạm giữ, buộc Bị cáo còn phải chấp hành hình phạt còn lại từ 05 tháng 27 ngày đến 08 tháng 27 ngày. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Miễn áp dụng hình phạt bổ sung cho Bị cáo Hà Văn B và Trần Như Đ.

Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu huỷ 01 bút bi, 01 ví da màu nâu.

Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 16.787.000đ. Xác nhận Cơ quan CSĐT-Công an huyện TS đã thu 12.265.000đ. Truy thu của Hà Văn B 362.000đ là số tiền ghi sổ lô; số đề còn thiếu ngày 14/12/2019; truy thu của Trần Như Đ 4.160.000đ là tiền trả thưởng số lô ngày 14/12/2019.

Hoàn trả cho Trần Hồng Q 40.000đ.

Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội. Buộc mỗi Bị cáo phải chịu 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa các Bị cáo không có ý kiến tranh tụng gì về Quyết định truy tố của Viện kiểm sát, các Bị cáo đề nghị xin được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án, nhận định của Tòa án như sau:

[1] Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện TS, tỉnh Phú Thọ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện TS, tỉnh Phú Thọ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa Bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, Người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, Người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Những chứng cứ xác định có tội: Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, các Bị cáo Hà Văn B; Trần Như Đ đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng truy tố đã nêu; thừa nhận Cáo trạng truy tố là đúng, không oan sai. Lời khai của các Bị cáo thống nhất, phù hợp với vật chứng thu được cùng toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Như vậy đã xác định hồi 16 giờ 45 phút ngày 15/12/2019, tại nhà ở của Hà Văn B đang thực hiện hành vi “Đánh bạc”

dưới hình thức bán “số lô, số đề” cho 02 đối tượng là Bàn Văn Th và Trần Hồng Q với tổng số tiền là **5.960.000đ**. Ngoài ra ngày 14/12/2019, Hà Văn B thực hiện hành vi “Đánh bạc” bằng hình thức bán số lô, số đề với Trần Như Đ với số tiền 10.827.000đ. Trong đó số tiền “Đánh bạc” bằng hình thức ghi số lô; số đề đối với Hà Văn B là 6.667.000đ, số tiền trúng thưởng sau khi có kết quả mở thưởng là 4.160.000đ. Căn cứ quy định của pháp luật thì tổng số tiền “Đánh bạc” mà Trần Như Đ và Hà Văn B phải chịu trách nhiệm là **10.827.000đ**.

[3] Về lỗi của các Bị cáo: Các Bị cáo thực hiện những hành vi này trong trạng thái tinh thần bình thường, đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, các Bị cáo nhận thức rõ hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự công cộng nhưng vì mục đích vụ lợi nên vẫn Cố ý thực hiện đến cùng do đó, có đủ cơ sở xác định hành vi của Bị cáo Hà Văn B và Trần Như Đ đã thỏa mãn các yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” được quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt:

Đối với Bị cáo Hà Văn B phải chịu tình 01 tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự là phạm tội 02 lần trở lên. Bị cáo khai báo thành khẩn Bồi bị cáo là người có công với Cách mạng được tặng Huân chương kháng chiến nên Bị cáo được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Đối với Bị cáo Trần Như Đ phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa ngày hôm nay, Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, Bồi bị cáo là người có công với Cách mạng nên bị cáo được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Hành vi phạm tội của Bị cáo Hà Văn B và Trần Như Đ đã xâm phạm đến trật tự, nếp sống văn minh của địa phương, gây bất bình trong dư luận quần chúng nhân dân. Vì vậy cần được đưa ra xét xử nghiêm minh trước pháp luật để răn đe, giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo biên bản xác minh về tài sản của Cơ quan CSĐT-Công an huyện TS ngày 05/01/2020 thì thấy, các Bị cáo không có tài sản gì giá trị lớn nên miễn áp dụng hình phạt bổ sung cho các Bị cáo là phù hợp.

[6] Đối với Bàn Văn Th và Trần Hồng Q ngày 15/12/2019 đã có hành vi mua số lô, số đề của Hà Văn B. Tuy nhiên số tiền của các đối tượng “Đánh bạc” đều dưới 5.000.000đ; các đối tượng chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, bị kết án về hành vi đánh bạc hoặc tổ chức Đánh bạc. Ngày 03/02/2020, Công an huyện TS đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 06/QĐ-XPVPHC, 07/QĐ - XPVPHC về hành vi mua số lô, số đề theo quy định tại khoản 1 Điều 26 Nghị định số: 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ, mức phạt 350.000đ đối với Bàn Văn Th và Trần Hồng Q là phù hợp.

[7] Về xử lý vật chứng:

Tịch thu tiêu huỷ 01 bút bi, 01 ví da màu nâu.

Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 16.787.000đ. Xác nhận Cơ quan CSĐT-Công an huyện TS đã thu 12.305.000đ. Truy thu của Hà Văn B 362.000đ là số tiền ghi sổ lô; số đề còn thiếu ngày 14/12/2019; truy thu của Trần Như Đ 4.160.000đ là tiền trả thưởng số lô ngày 14/12/2019.

Hoàn trả cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Hồng Q 40.000đ.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

[9] Về quyền kháng cáo: Các Bị cáo được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1.Căn cứ kết tội, tội danh: Căn cứ khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự. Tuyên bố bị cáo Hà Văn B và Trần Như Đ phạm tội “Đánh bạc”.

2.Về trách nhiệm hình sự:

Căn cứ khoản 1 Điều 321; khoản 1 Điều 38 điểm i khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự. Xử phạt Bị cáo Hà Văn B 09 (chín) tháng tù. Được khấu trừ 03 (ba) ngày tạm giữ từ ngày 15/12/2019 đến ngày 18/12/2019. Bị cáo còn phải chấp hành 08 (tám) tháng 27 (hai mươi bảy) ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; khoản 1 Điều 38 điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Xử phạt Bị cáo Trần Như Đ 06 (sáu) tháng tù. Được khấu trừ 03 ngày tạm giữ từ ngày 15/12/2019 đến ngày 18/12/2019. Bị cáo còn phải chấp hành 05 (năm) tháng 27 (hai mươi bảy) ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Miễn áp dụng hình phạt bổ sung cho Bị cáo Hà Văn B và Trần Như Đ.

3. Về xử lý vật chứng:

Căn cứ điểm a,b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự, khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu huỷ 01 bút bi, 01 ví da màu nâu.

Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 12.265.000đ.

Truy thu của Hà Văn B 362.000đ là số tiền ghi sổ lô; số đề ngày 14/12/2019;

Truy thu của Trần Như Đ 4.160.000đ là tiền trả thưởng số lô ngày 14/12/2019.

Trả lại người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Hồng Q 40.000đ.

Vật chứng đã được cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện TS bàn giao cho Chi cục thi hành án dân sự huyện TS, tỉnh Phú Thọ ngày 23/3/2020.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội. Mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5.Về quyền kháng cáo: Các Bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc

niêm yết công khai tại UBND nơi cư trú của người vắng mặt để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp trên xét xử phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện, tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh;
- CQCSĐT Công an huyện;
- UBKT huyện uỷ;
- CQ THA dân sự huyện;
- Trại tạm giam;
- Hồ sơ THA;
- UBND nơi b/c thường trú;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ + VP

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Văn Chí